

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 2083
ĐẾN ngày: 6/7/2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Chuyển: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 181/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 826/BTTTT-THH ngày 22/3/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 48/TTr-STTTT ngày 16/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Giao cho Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông; } (b/c)
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, TCTM, VHXH;
- Lưu VT, CN (Tr 79).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà
Nguyễn Tuấn Hà

KẾ HOẠCH

Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 30/6/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin (CNTT), thúc đẩy ứng dụng CNTT trong tất cả các lĩnh vực, các cấp, ngành nhằm hiện đại công tác hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, cải thiện môi trường làm việc và minh bạch thông tin; nâng cao sức cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi cho mọi tổ chức, công dân cùng tham gia quản lý nhà nước và xây dựng Chính quyền cơ sở vững mạnh.

Phấn đấu đến năm 2020 tỉnh Đắk Lắk hoàn thành các mục tiêu cơ bản về xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Phát triển hạ tầng và nhân lực CNTT đảm bảo triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT xây dựng Cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử tại địa phương:

- Đầu tư kịp thời hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ nhằm phát huy hiệu quả sử dụng, tiết kiệm ngân sách nhà nước và thực hiện tốt các giải pháp về an toàn thông tin.

- Đảm bảo đủ nguồn nhân lực chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước (CQNN); nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng CNTT trong cán bộ, công chức và phổ cập cho cộng đồng, xã hội nhằm xây dựng Cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử.

b) Về ứng dụng CNTT trong nội bộ và hiện đại hóa công tác hành chính, tiến tới Cơ quan điện tử:

- 100% cơ quan, đơn vị trang bị đầy đủ máy tính làm việc cho cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ và có hạ tầng mạng nội bộ theo tiêu chuẩn, kết nối Internet băng thông rộng để phục vụ cho ứng dụng CNTT.

- Đến cuối năm 2016, 100% các cơ quan, đơn vị trong tổ chức bộ máy nhà nước các cấp sử dụng Hệ thống Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành (Văn

phòng điện tử) liên thông toàn tỉnh và thư điện tử công vụ trong công tác hành chính hàng ngày của cán bộ, công chức; nâng tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử thay thế văn bản giấy của từng cơ quan, đơn vị đạt từ 80% trở lên.

- 100% các cơ quan, đơn vị ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, mua sắm tài sản công; quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành; đồng thời công khai, minh bạch thông tin của CQNN trên môi trường mạng để phục vụ nhân dân.

c) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 100% các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin đầy đủ trên trang thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin và dịch công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của CQNN.

- Đến cuối năm 2016, 100% dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của CQNN được cung cấp đầy đủ trên cổng/trang thông tin điện tử của từng cơ quan, đơn vị trực tuyến tối thiểu ở mức độ 2 (*đăng tải đầy đủ thông tin, quy trình, thời gian xử lý, biểu mẫu hồ sơ*); ít nhất 10% dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 (*cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu hồ sơ, thủ tục, văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ; các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng*) đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi dựa trên nhiều phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2017, một số dịch vụ công phổ biến, liên quan nhiều tới người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp huyện, cấp xã và các Sở, ban, ngành được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

- Đến năm 2018, 100% dịch vụ công thuộc tất cả các lĩnh vực trong nhóm ưu tiên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3; ít nhất trên 10% dịch vụ cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến (*dịch vụ công trực tuyến mức độ 4*), nâng tỷ lệ trực tuyến mức độ 4 lên ít nhất là 10% qua hàng năm; việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

- Đến năm 2020 thực hiện thành công các mục tiêu cơ bản xây dựng Chính quyền tử tại địa phương theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CQNN CỦA TỈNH

1. Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT:

a) Đối với cấp tỉnh;

- Hệ thống Công Thông tin điện tử, Thư điện tử công vụ được đầu tư, sử dụng từ 2009, gồm có 07 máy chủ đang vận hành tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

- 100% Sở, ban, ngành có ứng dụng mạng nội bộ (LAN), có kết nối Internet. Đối với cơ quan Đảng có hệ thống mạng chuyên dụng kết nối Tỉnh ủy đến 15 Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy và đến 105 xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

- Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện đã triển khai, lắp đặt thiết bị đầu cầu tại Văn phòng UBND tỉnh kết nối 14 điểm họp tại các huyện, thị xã.

- Có 19/19 Sở, ban, ngành đã trang bị Hệ thống Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành đang sử dụng trong công tác chuyên môn.

- 18/19 đơn vị cấp Sở, ban, ngành đã có trang thông tin điện tử.

b) Đối với cấp huyện:

- 70% các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện, 30% xã, phường, thị trấn có sử dụng mạng nội bộ (LAN) kết nối Internet băng thông rộng; chưa có hệ thống mạng chuyên dụng kết nối UBND huyện và UBND các xã, phường, thị trấn nên việc kết nối, trao đổi thông tin, văn bản đều thông qua mạng Internet.

- 15/15 đơn vị (huyện, thị xã, thành phố) đã đầu tư, xây dựng Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành. 14/15 đơn vị có hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện kết nối với Văn phòng UBND tỉnh.

- 15/15 đơn vị đã đầu tư, xây dựng hệ thống “Một cửa điện tử cấp huyện”.

- 13/15 huyện, thị xã, thành phố có Trang Thông tin điện tử của UBND huyện hoạt động trên môi trường mạng.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các CQNN:

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã đảm bảo cơ sở hạ tầng mạng, trang thiết bị về CNTT, máy tính làm việc cho cán bộ, công chức phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị. Hoạt động ứng dụng CNTT trong công tác hành chính đã được chú trọng, việc trao đổi văn bản điện tử trong công việc đã được tăng cường trên Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành, hệ thống thư điện tử công vụ; góp phần giảm đáng kể về giấy tờ, tiết kiệm chi hành chính và nâng cao hiệu quả xử lý công việc trong nội bộ cơ quan trên hệ thống mạng. Các hoạt động cung cấp thông tin, trao đổi, xử lý văn bản điện tử trên hệ thống trang thông tin điện tử, hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đã được các cơ quan, đơn vị duy trì thường xuyên; số lượng cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử công vụ thường xuyên trong công việc ngày càng tăng, hiện tại trên hệ thống đã phát triển trên 11.190 tài khoản sử dụng; bên cạnh đó, công tác an toàn thông tin đã được chú trọng và bảo đảm, các lỗi, sự cố bảo mật, mất an toàn thông tin mạng đã được xử lý, khắc phục kịp thời.

- Hệ thống Trang Thông tin điện tử các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đang trong trình trạng thuê dịch vụ hosting (dịch vụ thuê máy

chủ) thuộc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ngoài tỉnh; trong khi đó, phần mềm của một số trang thông tin điện tử đã xuất hiện nhiều lỗi về lỗ hổng bảo mật nhưng chưa được cập nhật bản vá lỗi kịp thời, công tác quản trị chưa tốt nên dẫn đến nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin.

- Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện đã triển khai, lắp đặt thiết bị đầu cầu tại Văn phòng UBND tỉnh kết nối 14 điểm họp tại các huyện, thị xã; Văn phòng UBND tỉnh đã tăng cường tổ chức các hội nghị giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh với các Sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trên hệ thống này.

- Có 15/15 huyện, thị xã, thành phố đã được đầu tư, xây dựng hệ thống “Một cửa điện tử cấp huyện”; tuy nhiên việc khai thác hệ thống phần mềm, giải quyết hồ sơ hành chính trên hệ thống còn rất hạn chế.

- Trên 60% máy tính sử dụng cho hoạt động chuyên môn của cán bộ, công chức đang dùng hệ điều hành Windows XP, chương trình ứng dụng Microsoft Office 2003 đang có nguy cơ cao về mất an toàn, an ninh thông tin.

- Công tác an toàn thông tin cá nhân trong cán bộ, công chức chưa được hướng dẫn, phổ biến kịp thời. Kiến thức, kỹ năng vận hành, công tác đối phó, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống CNTT của đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong CQNN chưa đáp ứng nhu cầu đề ra.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Hệ thống cổng/trang thông tin điện tử CQNN tỉnh đã từng bước được cải thiện về giao diện, hoạt động cung cấp và tiến tới minh bạch thông tin của CQNN; đặc biệt là thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của tỉnh đã đăng tải kịp thời trên môi trường mạng phục vụ rộng rãi cho cộng đồng, xã hội. Về hoạt động này, đồng thời đã có sự quan tâm, chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan, đơn vị nên lượng thông tin được cung cấp trên môi trường mạng qua hệ thống trang thông tin điện tử nội bộ ngày càng được tăng cường.

- Cục Thuế tỉnh đã tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác kê khai thuế và nộp thuế qua mạng, sử dụng hóa đơn điện tử và áp dụng dịch vụ chứng thực số cải thiện chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý chuyên ngành. Cục Hải quan tỉnh đã sử dụng Hệ thống thông quan tự động, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, từng bước thực hiện Hải quan điện tử; một số Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tăng cường xử lý hồ sơ công dân trên hệ thống Một cửa điện tử góp phần đáng kể cho việc nâng cao chất lượng phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp mức độ 2; về hoạt động cung cấp dịch vụ công mức độ 3 chỉ được cung cấp theo hệ thống các ngành Kế hoạch đầu tư, Thuế, Hải quan.

4. Nhân lực CNTT trong CQNN:

- Ở cấp Sở, ban, ngành: Có 87 công chức có chuyên môn đào tạo về CNTT trong CQNN; trong đó có 07 Thạc sỹ, 50 Đại học, 30 Cao đẳng.

- Ở cấp huyện: Có 26 công chức có chuyên môn đào tạo về CNTT đang công tác tại các CQNN cấp huyện; trong đó có 17 Đại học, 07 Cao đẳng, 02 Trung cấp.

5. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT trong CQNN giai đoạn 2011 - 2015 và các dự án còn đang triển khai đến nay:

a) Dự án được phê duyệt, bố trí ngân sách thực hiện trong giai đoạn 2011-2015 thuộc lĩnh vực đầu tư có 6 dự án phê duyệt, bố trí ngân sách để thực hiện là 29.007.618.000 đồng; đạt 30% so với Nghị quyết số 46/2011/NQ-HĐND ngày 22/12/2011 của HĐND tỉnh về việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2015:

- Dự án: Hệ thống giao ban điện tử đa phương tiện tỉnh Đắk Lắk; tổng mức đầu tư được duyệt: 2.000.000.000 đồng (đã hoàn thành).

- Dự án: Hệ thống Một cửa điện tử liên thông cấp huyện (14 huyện, thị xã); tổng mức đầu tư được duyệt: 12.800.000.000 đồng (đã hoàn thành).

- Ứng dụng CNTT tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; tổng mức đầu tư được duyệt: 1.854.000.000 đồng, đã cấp 1.854.000.000 đồng (đã hoàn thành).

- Dự án nâng cấp hệ thống CNTT tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk; tổng mức đầu tư 3.008.000.000 đồng (đã thực hiện).

- Nâng cấp Hệ thống giao ban trực tuyến tỉnh Đắk Lắk; tổng mức đầu tư được duyệt 5.854.000.000 đồng, đã cấp 3.530.000.000 đồng (đang thực hiện).

- Dự án nâng cấp Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tỉnh Đắk Lắk; tổng mức đầu tư: 5.815.618.000 đồng (đang thực hiện).

b) Hiệu quả:

- Qua các dự án đầu tư trong thời gian qua đã đáp ứng một phần về nhu cầu ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN của tỉnh; thúc đẩy việc trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ của từng cơ quan, đơn vị; tăng cường cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp, ngành và cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tuy nhiên việc đầu tư chưa tương xứng so với nhu cầu, thủ tục đầu tư kéo dài, kinh phí dàn trải chưa phù hợp với đặc tính của CNTT, chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết theo tính chất công việc; một số dự án được triển khai, sau khi hoàn thành thì công nghệ đã lạc hậu so với ban đầu. Bên cạnh đó, việc thay đổi về quy trình, thủ tục bộ hồ sơ thuộc lĩnh vực hành chính công; việc triển khai các dự án ứng dụng CNTT của các Bộ, ngành tại các cơ quan chuyên môn chưa có sự phối hợp với địa phương nên có việc trùng lặp, khó thực hiện nên hiệu quả các dự án đầu tư cho ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính chưa cao.

III. NỘI DUNG

1. Phát triển về hạ tầng CNTT:

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hiện đại; hệ thống trang thiết bị, phần mềm quản lý và ứng dụng, hạ tầng thông tin mạng kết nối liên thông giữa các Sở, ban, ngành và UBND các cấp và bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin.

- Thiết lập các điểm truy cập, tra cứu thông tin, giao dịch điện tử cho người dân với CQNN, chính quyền các cấp trên nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Phát triển hệ thống mạng Internet băng thông rộng đến tận thôn, buôn để đảm bảo cho người dân truy cập thông tin, sử dụng các dịch vụ của Chính quyền điện tử và nâng cao khả năng giám sát, phản biện mọi hoạt động của CQNN, chính quyền địa phương.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng CNTT nhằm đẩy mạnh hoạt động giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt chú trọng tới các cấp học Mầm non, Tiểu học và Trung học phổ thông theo hình thức xã hội hóa hoặc thuê dịch vụ.

2. Về ứng dụng CNTT trong nội bộ và hiện đại hóa công tác hành chính, xây dựng cơ quan điện tử các cấp, ngành:

a) Phát triển, liên thông, tích hợp hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành với hệ thống thư điện tử công vụ nhằm tin học hóa công tác hành chính, điều hành của từng cơ quan, đơn vị, thực hiện Văn phòng điện tử trong từng cơ quan, đơn vị các cấp của tỉnh.

b) Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ công dân trên hệ thống “Một cửa điện tử liên thông” tích hợp trên hệ thống thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (Cổng thông tin dịch vụ hành chính công).

c) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong nội bộ của từng cơ quan, đơn vị nhằm tin học hóa toàn diện công tác quản lý, quy trình tác nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ theo quy trình ISO điện tử trong mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ các cấp, ngành:

- Quản lý tài chính, tài sản công; đấu giá, đấu thầu, mua sắm, thanh lý tài sản công.

- Quản lý đầu tư và tích hợp thông tin công khai dự án, công trình đầu tư trên hệ thống thông tin điện tử của tỉnh.

- Quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức toàn ngành.

- Quản lý y tế, công tác tư vấn, khám, chữa bệnh; y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng hệ thống y tế điện tử, hệ thống bệnh án điện tử, kết hợp hệ thống Bảo hiểm y tế điện tử; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức toàn ngành.

- Quản lý tuyển dụng công chức, viên chức và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đảm bảo công khai, minh bạch và chống tham nhũng, tiêu cực

trong công tác tuyển dụng, bố trí cán bộ các cấp, ngành.

- Quản lý thuế; hoạt động kê khai, thu thuế nhà nước và công khai minh bạch thông tin về hoạt động thu thuế doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên môi trường mạng để phục vụ sự giám sát của nhân dân.

- Quản lý bảo hiểm xã hội; quản lý nguồn nhân lực, lao động, thực hiện chính sách xã hội đối với người có công và an sinh xã hội; thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo; hỗ trợ đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ người cao tuổi, thương binh, khuyết tật; bảo vệ và chăm sóc trẻ em.

- Quản lý, kiểm soát trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội; quản lý về dân cư, đăng ký thường trú, tạm trú, lưu trú, tạm vắng.

- Quản lý về hộ tịch, quản lý về xử lý vi phạm hành chính, công tác cấp phiếu lý lịch tư pháp, quản lý công tác đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư, đăng ký hành nghề luật sư.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

a) Phát triển hoàn thiện hệ thống cổng/trang thông tin điện tử của CQNN nhằm tích hợp, công khai, minh bạch mọi thông tin hoạt động của CQNN phục vụ nhu cầu truy cập thông tin, các giao dịch điện tử và thực hiện chức năng giám sát, phản biện của người dân đối với CQNN, chính quyền địa phương các cấp.

b) Xây dựng cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh; ứng dụng chứng thực số, chữ ký số, hóa đơn điện tử, dịch vụ thanh toán điện tử liên thông để đảm bảo giao dịch điện tử trong cung cấp, giải quyết các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc các lĩnh vực liên quan nhiều tới người dân và doanh nghiệp.

c) Triển khai ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận Một cửa liên thông trên hệ thống Một cửa điện tử tích hợp từ Cổng dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh.

d) Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp về việc tiếp cận thông tin, thực hiện mọi giao dịch trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và quốc gia thiết thực, hiệu quả trên nền tảng Chính quyền điện tử và bảo đảm công tác an toàn thông tin mạng.

4. Công tác bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT trong CQNN:

a) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin trong cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng, xã hội:

- Xây dựng các chuyên mục, phóng sự, chương trình, diễn đàn, hướng dẫn về công tác an toàn, an ninh thông tin mạng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng/trang thông tin điện tử của các CQNN và hệ thống thông tin cơ sở.

- Tổ chức các hội thảo, hội nghị phổ biến chủ đề về an toàn thông tin trong cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức, người sử dụng thiết bị,

dịch vụ CNTT và có hình thức tuyên truyền tại các điểm sử dụng máy tính truy cập Internet công cộng, các trung tâm khu vực dân cư có sử dụng Internet và các điểm giao dịch tập trung của Chính quyền điện tử.

b) Cập nhật, phát triển các giải pháp công nghệ về bảo mật hệ thống trên các hạ tầng CNTT của tỉnh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin:

- Nâng cấp định kỳ, cập nhật các giải pháp công nghệ bảo mật trên hệ thống CNTT dùng chung, hệ thống cổng/trang thông tin điện tử CQNN của tỉnh kịp thời nhằm hạn chế các rủi ro về mất an toàn thông tin.

- Nâng cấp, chuẩn hóa hệ thống mạng nội bộ đến cấp xã, phường đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả, an toàn thông tin số.

- Trang bị giải pháp tổng thể phòng chống Virus cho hệ thống mạng, máy tính phục vụ ứng dụng CNTT của các CQNN.

c) Tăng cường các biện pháp chuyên môn, nghiệp vụ đối với công tác an toàn thông tin mạng:

- Trang bị các giải pháp công nghệ đảm bảo các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực đối với công tác quản lý an toàn thông tin nhằm bảo vệ, ngăn chặn, phát hiện sớm việc truy cập trái phép vào mạng máy tính hay thiết bị lưu trữ dữ liệu và thực hiện loại bỏ yếu tố độc hại ra khỏi hệ thống mạng nội bộ.

- Kiểm tra định kỳ hàng năm về công tác an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT; thẩm tra an ninh định kỳ cho hệ thống cổng/trang thông tin điện tử CQNN của tỉnh để kịp thời ngăn chặn, xử lý và khắc phục sự cố về bảo mật, đối phó các nguy cơ tấn công mạng.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác an toàn thông tin và các quy định về tiêu chuẩn an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của CQNN; diễn tập ứng cứu sự cố về mất an toàn thông tin mạng. Tập huấn, phổ biến kiến thức cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên báo chí, cổng/trang thông tin điện tử và phát thanh truyền hình về công tác an toàn thông tin mạng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức:

- Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của CNTT đối với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng tại địa phương và hội nhập quốc tế; đề cao trách nhiệm, hành động của từng cán bộ, đảng viên đối với ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển, ứng dụng CNTT; phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về an toàn thông tin trong cán bộ, công chức và trong cộng đồng, xã hội; phổ cập, sử dụng dịch vụ CNTT trong các giao dịch hành chính công đến tận vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

2. Đảm bảo về môi trường, pháp lý:

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo môi trường, cơ chế, chính sách về phát triển và ứng dụng CNTT, đầu tư cho ứng dụng CNTT và phát triển nguồn nhân lực; chú trọng về mặt cơ chế, chính sách nhằm huy động các nguồn lực cho ứng dụng, phát triển CNTT từ các tổ chức, doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động thuê dịch vụ CNTT của doanh nghiệp.

- Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk để làm tiêu chuẩn về phát triển hạ tầng, nhân lực và triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan, đơn vị nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh thống nhất, đồng bộ với Chính phủ điện tử.

- Xây dựng các quy định về công tác an toàn, an ninh thông tin; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử, thanh toán điện tử trong các hoạt động ứng dụng CNTT và cung cấp dịch vụ công của CQNN; đồng thời tạo cơ chế thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến của CQNN.

3. Bảo đảm hiệu quả, đồng bộ trong ứng dụng CNTT:

- Gắn kết vai trò, trách nhiệm chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động hành chính của CQNN, chính quyền các cấp; người đứng đầu các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực quản lý của cấp, ngành mình.

- Triển khai chương trình, dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN phải đáp ứng nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả đầu tư và nâng cao chất lượng phục vụ của nhà nước đối với nhân dân.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai ứng dụng CNTT với cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh; trong đó, chú trọng triển khai kịp thời các giải pháp để cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với các dịch vụ liên quan nhiều tới người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai các ứng dụng CNTT đi đôi với việc tập huấn, hướng dẫn sử dụng hiệu quả; đồng thời có giải pháp tốt để hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến, các giao dịch trên nền tảng của Chính quyền điện tử.

- Xây dựng mô hình ứng dụng CNTT điển hình, phổ biến, hỗ trợ triển khai nhân rộng trong từng cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

4. Về hạ tầng CNTT:

- Thống nhất Kế hoạch ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố vào Kế hoạch hàng năm của tỉnh để đảm bảo cho việc phân bổ kinh phí trong đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị tin học... nhằm phát triển hạ tầng thông tin trong nội bộ các cấp, ngành đảm bảo công tác quản

lý, triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN và phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

- Đầu tư kịp thời Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ; đồng thời, có giải pháp phát triển hạ tầng mạng Internet băng thông rộng đến thôn, buôn để đảm bảo việc sử dụng dịch vụ CNTT cho nhân dân.

5. Về nhân lực:

- Đảm bảo đủ số lượng cán bộ chuyên trách CNTT: Tại các Sở, ban, ngành ít nhất có 01 người, tại UBND các huyện, thị xã, thành phố ít nhất là 02 người theo tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, triển khai ứng dụng CNTT xây dựng Cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách CNTT ở các CQNN để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về phát triển, ứng dụng CNTT, triển khai thuê dịch vụ CNTT; đồng thời, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin trong các CQNN.

- Chuẩn kỹ năng về sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức đạt mức độ ứng dụng CNTT trong CQNN (theo Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh) và phổ cập kỹ năng sử dụng máy tính, Internet, dịch vụ CNTT cho cộng đồng, xã hội.

6. Về tài chính, ngân sách:

- Ngân sách Trung ương cấp theo chương trình, dự án CNTT của quốc gia và hỗ trợ cho dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Ngân sách đầu tư của tỉnh, đầu tư cho các dự án CNTT trọng điểm, dự án có quy mô dùng chung toàn tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử; hỗ trợ phát triển dịch vụ CNTT cho cộng đồng, xã hội và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Ngân sách sự nghiệp của tỉnh đảm bảo các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ cho công tác an toàn, an ninh thông tin; mua sắm trang thiết bị tin học trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, phần mềm nghiệp vụ; công tác vận hành, duy trì, bảo dưỡng, phí thuê dịch vụ ứng dụng CNTT; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và các hoạt động CNTT khác có tính chất thường xuyên hàng năm được cấp trong dự toán của các cơ quan, đơn vị.

- Bên cạnh đó có cơ chế, giải pháp huy động các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp; đẩy mạnh triển khai thuê dịch vụ CNTT của doanh nghiệp theo hình thức thuê từng phần hoặc thuê trọn gói, bao gồm: Phần cứng, phần mềm, đường truyền, giải pháp... để CQNN cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước đầu tư công, chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy trì hệ thống, đồng thời tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp cùng tham gia xây dựng Chính quyền điện tử tại địa phương.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Năm 2016

a) Nội dung triển khai

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
1	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk	Triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử đồng bộ theo chủ trương của Chính phủ
2	Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (giai đoạn 1)	Triển khai ứng dụng CNTT, tích hợp dữ liệu tập trung phục vụ phát triển Chính quyền điện tử
3	Phát triển hệ thống Email công vụ, Quản lý văn bản và Điều hành liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã (xây dựng Văn phòng điện tử liên thông)	Tin học hóa, hiện đại hóa công tác hành chính nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều hành, tiết kiệm chi hành chính; đảm bảo 80% văn bản điện tử được sử dụng thay thế văn bản giấy trong từng cơ quan, đơn vị
4	Xây dựng Hệ thống Dịch vụ hành chính công tích hợp Một cửa điện tử liên thông của tỉnh (phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo mô hình tập trung Một công, Một cửa liên thông).	- Tin học hóa công tác quản lý, quy trình tác nghiệp trong lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính công tại bộ phận Một cửa; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính công theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ - Nộp hồ sơ qua mạng, giảm thời gian, số lần người dân đến CQNN để giao dịch, nâng cao chất lượng phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp.
5	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Phục vụ công tác quản lý, triển khai dự án CNTT; quản lý, vận hành hệ thống thông tin, phát triển dịch vụ CNTT,... đảm bảo việc triển khai đi đôi với sử dụng

b) Tổng kinh phí thực hiện: 4.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách đầu tư tỉnh: 2.500 triệu đồng.
- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 1.500 triệu đồng.

2. Năm 2017

a) Nội dung triển khai

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
1	Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (giai đoạn 2)	Triển khai ứng dụng CNTT, tích hợp dữ liệu tập trung phục vụ phát triển Chính quyền điện tử

2	Phát triển, tích hợp Hệ thống Email công vụ, Quản lý văn bản và Điều hành liên thông đến cấp xã (xây dựng Văn phòng điện tử liên thông đến cấp xã)	Tin học hóa, hiện đại hóa công tác hành chính nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều hành, tiết kiệm chi hành chính; đảm bảo 80% văn bản điện tử được sử dụng thay thế văn bản giấy (đến cấp xã)
3	Tiếp tục phát triển Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông của tỉnh (phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo mô hình tập trung Một công, Một cửa liên thông).	Nộp, xử lý hồ sơ qua mạng theo mô hình Một công, Một cửa liên thông; giảm thời gian, số lần người dân đến CQNN để giao dịch, nâng cao chất lượng phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp
4	Xây Công thông tin dịch vụ hành chính công của tỉnh	Tích hợp thông tin và hiện đại hóa công tác cung cấp, tra cứu thông tin về việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính công trên môi trường mạng phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành và phục vụ người dân và doanh nghiệp
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của tỉnh (giai đoạn 1)	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế, xã hội trên nền tảng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử
6	Các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT trong nội bộ các Sở, ban, ngành; xây dựng Chính quyền điện tử cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện)	Đầu tư hạ tầng giao dịch Chính quyền điện tử phục vụ người dân; trang thiết bị, phần mềm ứng dụng thuộc Kiến trúc Chính quyền điện tử; nâng cao năng lực cán bộ và phổ cập dịch vụ CNTT cho cộng đồng dân cư; đảm bảo mô hình Chính quyền điện tử tại cơ sở vận hành hiệu quả, hiệu lực.
7	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Phục vụ công tác quản lý, vận hành, phát triển dịch vụ CNTT,... đảm bảo việc triển khai đi đôi với sử dụng nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử các cấp.
8	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh hàng năm	Đảm bảo công tác an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước (Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 25/11/2013 của Tỉnh ủy, Quyết định số 893/QĐ-TTg 19/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

b) Tổng kinh phí thực hiện: 123.200 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách đầu tư tỉnh: 78.500 triệu đồng.
- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 44.700 triệu đồng.

3. Năm 2018

a) Nội dung triển khai

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
1	Phát triển Trung tâm tích hợp	Triển khai ứng dụng CNTT, tích hợp dữ liệu tập

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
	dữ liệu tỉnh (giai đoạn 3)	trung phục vụ phát triển Chính quyền điện tử
2	Hoàn thiện hệ thống thông tin điện tử về công tác quản lý, điều hành liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và triển khai chứng thực số, chữ ký số trong CQNN	Tin học hóa, hiện đại hóa công tác hành chính nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều hành; đảm bảo từ 90% trở lên văn bản điện tử được sử dụng thay thế văn bản giấy trong từng cơ quan, đơn vị các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh
3	Tiếp tục phát triển, liên thông, tích hợp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình của Chính phủ điện tử	Nộp, xử lý hồ sơ qua mạng theo mô hình Một cổng, Một cửa liên thông; giảm thời gian, số lần người dân đến CQNN để giao dịch, nâng cao chất lượng phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của tỉnh (giai đoạn 2)	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế, xã hội trên nền tảng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử
5	Các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện)	Đầu tư hạ tầng giao dịch Chính quyền điện tử phục vụ người dân; trang thiết bị, phần mềm ứng dụng thuộc kiến trúc Chính quyền điện tử; nâng cao năng lực cán bộ và phổ cập dịch vụ CNTT cho cộng đồng dân cư; đảm bảo mô hình Chính quyền điện tử tại cơ sở vận hành hiệu quả, hiệu lực.
6	Ứng dụng CNTT trong nội bộ các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý giao thông, trật tự xã hội; ứng dụng CNTT trong Y tế, Giáo dục, lao động, việc làm...; và chi phí vận hành, phát triển, thuê dịch vụ CNTT; đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, ...
7	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Phục vụ công tác quản lý, vận hành, phát triển dịch vụ CNTT,... đảm bảo việc triển khai đi đôi với sử dụng nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử các cấp.
8	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh hàng năm	Đảm bảo công tác an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước (Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 25/11/2013 của Tỉnh ủy, Quyết định số 893/QĐ-TTg 19/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

b) Tổng kinh phí thực hiện: 122.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách đầu tư tỉnh: 77.000 triệu đồng.

- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 45.000 triệu đồng.

4. Năm 2019

a) Nội dung triển khai

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
1	Phát triển hệ thống liên thông, tích hợp thông tin theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phục vụ về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp của CQNN các tổ chức, doanh nghiệp.	Liên thông, chia sẻ hạ tầng, CSDL... Hiện đại hóa công tác hành chính, đảm bảo kênh thông tin giao tiếp giữa CQNN với tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường điện tử; nâng năng lực giao tiếp, xử lý công việc của CQNN các cấp đối với hệ thống doanh nghiệp (hoàn thiện hệ thống thông tin hành chính và chỉ đạo điều hành).
2	Tiếp tục phát triển, liên thông, tích hợp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4 và đẩy mạnh sử dụng chứng thực số, chữ ký số, hóa đơn điện tử.	Hiện đại hóa công tác quản lý, quy trình tác nghiệp trong lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính công; nâng cao năng lực phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp giảm tối đa thời gian, chi phí trong hoạt động lĩnh vực này.
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng, kinh tế, xã hội của tỉnh (giai đoạn 3 phát triển mạnh đến các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, quy hoạch, kiến trúc,...)	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế, xã hội trên nền tảng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử
4	Các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện)	Đầu tư hạ tầng giao dịch Chính quyền điện tử phục vụ người dân; trang thiết bị, phần mềm ứng dụng thuộc Kiến trúc Chính quyền điện tử; nâng cao năng lực cán bộ và phổ cập dịch vụ CNTT cho cộng đồng dân cư; đảm bảo mô hình Chính quyền điện tử tại cơ sở vận hành hiệu quả, hiệu lực.
5	Ứng dụng CNTT trong nội bộ các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý giao thông, trật tự xã hội; ứng dụng CNTT trong Y tế, Giáo dục, lao động, việc làm...; và chi phí vận hành, phát triển, thuê dịch vụ CNTT; đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ...
6	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Phục vụ công tác quản lý, vận hành, phát triển dịch vụ CNTT,... đảm bảo việc triển khai đi đôi với sử dụng nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử các cấp.
7	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh hàng năm	Đảm bảo công tác an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước (Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 25/11/2013 của Tỉnh ủy, Quyết định số 893/QĐ-TTg 19/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

b) Tổng kinh phí thực hiện: 128.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách đầu tư tỉnh: 73.000 triệu đồng.

- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 55.000 triệu đồng.

5. Năm 2020

a) Nội dung triển khai

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
1	Tiếp tục phát triển hệ thống liên thông, tích hợp thông tin theo Kiến trúc Chính quyền điện tử phục vụ về công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp của CQNN các tổ chức, doanh nghiệp.	Liên thông, chia sẻ hạ tầng, CSDL, ...Hiện đại hóa công tác hành chính, đảm bảo kênh thông tin giao tiếp giữa CQNN với tổ chức, doanh nghiệp trên môi trường điện tử; nâng năng lực giao tiếp, xử lý công việc của CQNN các cấp đối với hệ thống doanh nghiệp (hoàn thiện hệ thống thông tin hành chính và chỉ đạo điều hành)
2	Hoàn thiện, liên thông các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính công tại bộ phận Một cửa các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, cấp xã, phường (liên thông, trực tuyến mức độ 4 trên Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh)	Hiện đại hóa công tác quản lý, quy trình tác nghiệp trong lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính công; nâng cao năng lực phục vụ của CQNN đối với người dân và doanh nghiệp giảm tối đa thời gian, chi phí trong hoạt động lĩnh vực này
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng, kinh tế, xã hội của tỉnh (giai đoạn 4 phát triển mạnh đến các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, quy hoạch, kiến trúc ...)	Phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ các ngành, lĩnh vực trong phát triển kinh tế, xã hội trên nền tảng Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử
4	Các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử cấp cơ sở (cấp xã, phường, thị trấn và cấp huyện)	Phát triển các điểm giao dịch, hạ tầng thông tin Chính quyền điện tử phục vụ người dân; trang thiết bị, chương trình ứng dụng thuộc Kiến trúc Chính quyền điện tử; nâng cao năng lực phục vụ của Chính quyền địa phương các cấp và phổ cập dịch vụ CNTT cho cộng đồng dân cư; đảm bảo mô hình Chính quyền điện tử tại cơ sở vận hành hiệu quả, hiệu lực
5	Ứng dụng CNTT trong nội bộ các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý giao thông, trật tự xã hội; ứng dụng CNTT trong Y tế, Giáo dục, lao động, việc làm,...; và chi phí vận hành, phát triển, thuê dịch vụ CNTT; đảm bảo hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ,...
6	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Phục vụ công tác quản lý, vận hành, phát triển dịch vụ CNTT,... đảm bảo việc triển khai đi đôi với sử dụng nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử các cấp

STT	Nội dung công việc	Mục đích, hiệu quả
7	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh hàng năm	Đảm bảo công tác an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước (Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 25/11/2013 của Tỉnh ủy, Quyết định số 893/QĐ-TTg 19/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

b) Tổng kinh phí là 133.000 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách đầu tư tỉnh: 78.000 triệu đồng.
- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 55.000 triệu đồng.

6. Ngân sách đầu tư Trung ương từ năm 2017-2020 là: 45.000 triệu đồng (Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Năm	Tổng cộng	Nhu cầu ngân sách 2016 - 2020				Chi tiết
		NSTW	Ngân sách địa phương			
		NSDT	Cộng	NSDT	NSSN	
2016			4.000	2.500	1.500	Phụ lục 3
2017		45.000	123.200	78.500	44.700	
2018		(Dự án đã phê duyệt)	122.000	77.000	45.000	
2019			128.000	73.000	55.000	
2020			133.000	78.000	55.000	
Cộng	555.200	45.000	510.200	309.000	201.200	

Bảng chữ: Năm trăm năm mươi lăm tỷ, hai trăm triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách đầu tư Trung ương : 45.000 triệu đồng.
- Ngân sách đầu tư tỉnh: 309.000 triệu đồng.
- Ngân sách sự nghiệp tỉnh: 201.200 triệu đồng.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì triển khai, thực hiện Kế hoạch này.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch hàng năm; chủ trì việc phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, tham mưu bố trí kinh phí, tổng hợp xây dựng Kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện; đồng thời phối hợp trong công tác kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc

thực hiện và báo cáo kết quả hàng năm cho UBND tỉnh.

c) Xây dựng, công bố, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh để làm căn cứ hướng dẫn, thẩm định Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

d) Tăng cường tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện và tuyên truyền nâng cao nhận thức về phát triển Chính quyền điện tử tại địa phương.

đ) Xác định mô hình ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử điển hình cho cấp huyện, xã để phối hợp, phổ biến, hỗ trợ triển khai nhân rộng; đồng thời triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

e) Xây dựng tiêu chí đánh giá đạt chuẩn các mức độ ứng dụng CNTT của CQNN các cấp theo tiêu chuẩn cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo và thực hiện hàng năm.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, bố trí đủ kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo lộ trình của kế hoạch đề ra hàng năm.

b) Phối hợp kiểm tra hiệu quả, giám sát việc thực hiện kinh phí; báo cáo, đánh giá việc phân bổ, sử dụng ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị cho UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, bố trí kinh phí đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch; ưu tiên bố trí kinh phí theo hình thức đối tác công tư, thuê dịch vụ ứng dụng CNTT của doanh nghiệp.

4. Sở Nội vụ:

a) Thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch cải cách hành chính gắn với hoạt động ứng dụng CNTT hiện đại nền hành chính công và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng CNTT theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để tham mưu UBND tỉnh xử lý nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thiếu trách nhiệm về ứng dụng CNTT trong công tác hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Ứng dụng CNTT để thực hiện công tác tuyển dụng, nâng ngạch công

chức, viên chức một cách minh bạch, công bằng thống nhất toàn tỉnh. Xây dựng, sử dụng hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi toàn tỉnh phù hợp với chủ trương của Bộ Nội vụ.

5. Sở Công Thương:

Tăng cường hoạt động quản lý, thúc đẩy ứng dụng CNTT phát triển thương mại điện tử. Phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, thúc đẩy các doanh nghiệp có các lĩnh vực kinh doanh liên quan nhiều đến đời sống nhân dân (điện, nước) ứng dụng CNTT toàn diện trong mọi hoạt động liên quan đến người dân và cung cấp thông tin, minh bạch các hoạt động kinh doanh, giá thành sản phẩm, dịch vụ,...; đồng thời, liên kết thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để phục vụ nhân dân trong xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử.

6. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

a) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và triển khai các giải pháp kỹ thuật trong các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ vừa đảm bảo công tác cải cách hành chính, vừa đảm bảo về quốc phòng, an ninh để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

b) Ứng dụng CNTT triệt để, hiệu quả trong công tác giám sát, kiểm tra, xử phạt về vi phạm trật tự, an toàn giao thông, về công tác quản lý hành chính và các hoạt động liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

c) Phối hợp hiệu quả với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng và các hoạt động ứng dụng CNTT trong xây dựng Chính quyền điện tử.

7. Thanh tra tỉnh:

a) Ứng dụng CNTT trong việc tiếp công dân, nhận, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công khai việc kết luận giải quyết trên trang thông tin điện tử (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác), tích hợp thông tin này lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

b) Công khai, minh bạch kế hoạch thanh tra thuộc thẩm quyền và kết quả thanh tra để phục vụ việc giám sát cán bộ, công chức và nhân dân trên môi trường mạng.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Xây dựng hệ thống thông tin điện tử xét tuyển đầu cấp cho tất cả các cấp học trên môi trường mạng (bao gồm các cấp: Tiểu học, THCS, THPT, khuyến khích thực hiện đối với giáo dục Mầm non công lập) thống nhất toàn tỉnh trước ngày 01/01/2017.

b) Phát triển hệ thống thông tin điện tử về quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục các cấp học, luân chuyển công chức, viên chức của ngành thống nhất toàn tỉnh trên môi trường mạng.

c) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy và học tại các cơ

sở giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học tích cực; đồng thời xã hội hóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho các cấp học trên môi trường mạng.

9. Sở Y tế:

a) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT triệt để trong quản lý y tế; công tác tư vấn, khám, chữa bệnh; y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng hệ thống y tế điện tử, hệ thống bệnh án điện tử, kết hợp hệ thống Bảo hiểm y tế điện tử.

b) Phát triển hệ thống thông tin điện tử về quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức toàn ngành trên môi trường mạng.

10. Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ các nội dung, lộ trình, danh mục dịch vụ công cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đến năm 2020 của Kế hoạch đề ra để xác định rõ các nội dung công việc theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cấp ngành. Xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung của tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, tránh trùng lặp, kém hiệu quả.

b) Phân công Lãnh đạo cơ quan, đơn vị phụ trách ứng dụng CNTT để đảm bảo việc triển khai, kiểm tra, đánh giá và báo cáo hàng năm, đột xuất về tình hình thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

c) Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành, thực hiện nghiêm quy trình tiếp, nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền trên quy trình điện tử hiện đại; tăng cường cung cấp, minh bạch thông tin các lĩnh vực theo quy định trên hệ thống công/trang thông tin điện tử.

d) Tăng cường thuê dịch vụ ứng dụng CNTT của doanh nghiệp để triển khai ứng dụng CNTT theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong CQNN nhằm giảm gánh nặng ngân sách đầu tư của tỉnh, đảm bảo tính khả thi cao trong triển khai, thực hiện kế hoạch.

đ) Bố trí đủ số lượng cán bộ chuyên trách CNTT tại cơ quan, đơn vị theo quy định; đồng thời, chuẩn kỹ năng về sử dụng CNTT cho cán bộ, công chức và đạt các mức độ ứng dụng CNTT trong CQNN theo Thông tư số 03/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, triển khai ứng dụng CNTT xây dựng Cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử.

11. Văn phòng UBND tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ để tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc thực hiện, sử dụng hệ thống thông tin điện tử của tỉnh trong mọi hoạt động hành chính của tỉnh và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, đơn vị liên

quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát, tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo kịp thời; kết quả thực hiện Kế hoạch được đưa vào đánh giá chất lượng hoạt động của từng Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố hàng năm./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục 1
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG CUNG CẤP TRỰC TUYẾN
MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 30/6/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên thủ tục
I.	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư
1	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh
2	Thủ tục đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
3	Thủ tục thông báo lập địa điểm kinh doanh
4	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
5	Thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của doanh nghiệp
6	Thủ tục đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh doanh nghiệp
II.	Lĩnh vực Thương mại
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
8	Thủ tục thỏa thuận địa điểm mở mới cửa hàng kinh doanh xăng dầu
9	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá
III.	Lĩnh vực Xây dựng
11	Cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư hoạt động xây dựng
12	Cấp chứng chỉ hành nghề Kỹ sư hoạt động xây dựng
13	Cấp chứng chỉ hành nghề Giám sát thi công xây dựng công trình
14	Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (Kiến trúc sư, kỹ sư, giám sát thi công xây dựng công trình)
15	Cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng hạng 1
16	Cấp chứng chỉ Kỹ sư định giá xây dựng hạng 2
17	Cấp chứng chỉ Định giá bất động sản
18	Cấp chứng chỉ Môi giới bất động sản
IV.	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Cấp/gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc Bảo vệ thực vật
20	Cấp chứng/gia hạn chỉ hành nghề thú y
21	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn.
V.	Lĩnh vực Y tế
22	Cấp chứng chỉ hành nghề Y tư nhân (chung cho tất cả các loại hình hành nghề Y tư nhân)
23	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề Y tư nhân (chung cho tất cả các loại hình hành nghề Y tư nhân)
24	Cấp mới Chứng chỉ hành nghề Dược tư nhân
25	Cấp mới Giấy đủ điều kiện kinh doanh thuốc

STT	Tên thủ tục
VI.	Lĩnh vực Lao động việc làm
26	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm cho Doanh nghiệp
27	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh
28	Thủ tục Thành lập Trung tâm dạy nghề tư thực
29	Thủ tục Thành lập Trường trung cấp nghề tư thực
VII.	Lĩnh vực Giao thông vận tải
30	Cấp mới Giấy phép lái xe
31	Cấp đổi Giấy phép lái xe
32	Đăng ký khai thác vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định
33	Đăng ký khai thác vận tải khách du lịch bằng ô tô
34	Đăng ký tham gia vận tải khách bằng xe buýt
35	Đăng ký tham gia vận tải khách bằng taxi (cấp phù hiệu xe taxi)
VIII.	Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo
36	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu
37	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai
38	Thủ tục giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng
IX.	Lĩnh vực Đất đai
39	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức sử dụng đất (đối với đất đã có Quyết định giao đất không thu tiền sử dụng đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW)
40	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức kinh tế sử dụng đất (đối với đất đã có Quyết định giao đất có thu tiền sử dụng đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW)
41	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức kinh tế sử dụng đất (đối với đất đã có Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW)
X	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ
42	Thủ tục Đề xuất đề tài, dự án KH&CN
43	Thủ tục Đăng ký hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tuyển chọn cấp tỉnh
44	Thủ tục Đăng ký hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chỉ định cấp tỉnh
45	Thủ tục Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh
46	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ
47	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN
48	Thủ tục Kiểm định phương tiện đo
49	Thủ tục Đề nghị cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán trong y tế
50	Thủ tục Đề nghị cấp gia hạn sử dụng thiết bị X-quang chuẩn đoán trong y tế
XI.	Thủ tục hành chính cấp huyện (Xây dựng tập trung trên Cổng thông tin hành chính công)
51	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất

STT	Tên thủ tục
52	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất
53	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với trường hợp do nhận, tặng, cho quyền sử dụng đất
54	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp đất ở trước 15/10/1993 (đối với đất tặng, cho quyền sử dụng đất)
55	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp (nhận chuyển nhượng)
56	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp
57	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất
58	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp phải cấp cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở trước 15/10/1993 (khai hoang)
59	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu
60	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá
61	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn
62	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở tại đô thị
63	Cấp phép chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm
64	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã
65	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
XII.	Thủ tục hành chính cấp xã (Xây dựng tập trung trên Cổng thông tin hành chính công)
66	Thủ tục đăng ký khai sinh
67	Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi
68	Thủ tục đăng ký khai sinh quá hạn
69	Xác nhận tình trạng hôn nhân
70	Thủ tục đăng ký kết hôn
71	Đăng ký việc giám hộ
72	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ nông thôn đã có quy hoạch
73	Thủ tục đăng ký thành lập nhóm trẻ mẫu giáo độc lập
XIII	Lĩnh vực Tư pháp
74	Cấp phiếu lý lịch tư pháp
75	Đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư
76	Đăng ký hành nghề luật sư
77	Khai sinh có yếu tố nước ngoài
78	Giám hộ có yếu tố nước ngoài

Phụ lục 2
TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC ỨNG DỤNG CNTT GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 THEO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ
(Kèm theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng cộng	Kinh phí		Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			NSDT	NSSN		
I	Phát triển hạ tầng, nhân lực	78.500	70.000	8.500		
1	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh	500	0	500	Sở Thông tin và Truyền thông (TT&TT)	Sở Tài chính và các sở, ngành, các huyện, TX, TP
2	Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	45.000	45.000	0	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý hạ tầng, kinh tế, xã hội của tỉnh	25.000	25.000	0	Sở TT&TT	Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan
4	Phát triển nhân lực, phổ cập kiến thức, dịch vụ, ...	8.000	0	8.000	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở TT&TT
II	Ứng dụng CNTT nội bộ cơ quan, đơn vị và hiện đại hóa hành chính	319.500	152.500	167.000		
1	Văn phòng điện tử liên thông, tích hợp	49.500	42.500	7.000	Sở TT&TT	Các cơ quan khối đảng, đoàn thể; các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP
2	Các hoạt động ứng dụng CNTT nội bộ của từng cơ quan, đơn vị nhà nước các cấp (phát triển Cơ quan điện tử)	270.000	110.000	160.000	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TX, TP	Sở TT&TT
III	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp	146.200	127.500	18.700		
1	Xây dựng Cổng thông tin hành chính công và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử liên thông của tỉnh	26.200	7.500	18.700	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TX, TP
2	Phát triển mô hình giao dịch công của Chính quyền điện tử (Xây dựng Chính quyền điện tử cấp huyện, xã)	120.000	120.000	0	các huyện, TX, TP	Các Sở: TT&TT, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư
IV	Công tác an toàn thông tin	11.000	4.000	7.000		
	Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp	11.000	4.000	7.000	Sở TT&TT, VP Tỉnh ủy	Các cơ quan khối đảng, đoàn thể; các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, TX, TP
	TỔNG CỘNG	555.200	354.000	201.200		

Bảng chú: Năm trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

(Kèm theo Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Hạng mục chương trình, dự án	Quy mô	Tổng cộng	Ngân sách địa phương										
				NSTW	2016		2017		2018		2019		2020	
				2017-2020	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN
1	Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk	Cấp tỉnh, huyện, xã	500	0	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Dùng chung toàn tỉnh	45.000	45.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Phát triển hệ thống, quản lý văn bản và điều hành liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện (Văn phòng điện tử)	Toàn tỉnh	2.500	0	2.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Mở rộng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đến cấp xã, phường và một số đơn vị ngành dọc liên quan	Toàn tỉnh	25.000	0	0	0	15.000	0	10.000	0	0	0	0	0
5	- Xây dựng Hệ thống Dịch vụ hành chính công tích hợp Một cửa điện tử liên thông của tỉnh (phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo mô hình tập trung Một cổng, Một cửa liên thông). - Đầu tư hạ tầng đầu cuối phục vụ tác nghiệp cho CBCC trên hệ thống và phục vụ giao dịch của công dân cho hệ thống dịch vụ hành chính và Một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Toàn tỉnh	24.700	0	0	0	0	6.700	2.000	4.000	2.000	4.000	2.000	4.000
6	Xây dựng Công thông tin dịch vụ hành chính công của tỉnh	Cấp tỉnh	1.500	0	0	0	1.500	0	0	0	0	0	0	0
7	Tích hợp, chia sẻ dữ liệu và phát triển nghiệp vụ trên nền tảng Chính quyền điện tử và sử dụng chữ ký số, chứng thực số, hóa đơn điện tử,...	Toàn tỉnh	14.000	0	0	0	1.000	1.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
8	Xây dựng hệ thống kết nối liên thông (trực liên thông các cấp), tích hợp, chia sẻ thông tin trên nền tảng Kiến trúc Chính quyền điện tử phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp của CQNN và tổ chức, doanh nghiệp.	Cấp tỉnh, huyện, xã	8.000	0	0	0	0	0	2.000	0	3.000	0	3.000	0
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý hạ tầng, kinh tế, xã hội của tỉnh	Toàn tỉnh	25.000	0	0	0	5.000	0	5.000	0	5.000		10.000	0

STT	Hạng mục chương trình, dự án	Quy mô	Tổng cộng	NSTW	Ngân sách địa phương									
				2017-2020	2016		2017		2018		2019		2010	
				NSĐT	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN	NSĐT	NSSN
10	Ứng dụng CNTT trong nội bộ các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (theo Kế hoạch chương trình, dự án do các cơ quan, đơn vị xây dựng hàng năm theo nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch)	Sở, ban, ngành, huyện, TX, TP	270.000	0	0	0	25.000	35.000	25.000	35.000	30.000	45.000	30.000	45.000
11	Các chương trình, kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền điện tử cấp cơ sở (xây dựng hạ tầng CQĐT cấp huyện và cấp xã, phòng để phục vụ người dân và phổ cập dịch vụ)	Toàn tỉnh	120.000	0	0	0	30.000	0	30.000	0	30.000	0	30.000	0
12	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sử dụng, hội thảo, hội nghị phổ biến kiến thức, dịch vụ CNTT và hỗ trợ sử dụng dịch vụ CNTT trong cộng đồng, xã hội.	Toàn tỉnh	8.000	0	0	1.000	0	1.000	0	2.000	0	2.000	0	2.000
13	Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh hàng năm (theo Kế hoạch 76-KH/TU ngày 25/11/2013 của Tỉnh ủy)	Toàn tỉnh	11.000	0	0	0	1.000	1.000	1.000	2.000	1.000	2.000	1.000	2.000
TỔNG CỘNG			555.200	45.000	2.500	1.500	78.500	44.700	77.000	45.000	73.000	55.000	78.000	55.000

Bảng chữ: Năm trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm triệu đồng

Ghi chú: NSTW: Ngân sách Trung ương; NSĐT: Ngân sách Đầu tư; NSDP: Ngân sách Địa phương